

Bản án số: 226/2025/DS-ST
Ngày: 31-12-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tấn và bà Hồ Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phan Ý Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 373/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 412/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Ái V, sinh năm 1959; (có mặt)

Cư trú: Số B đường L, khóm L, phường T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Lê Thanh N, sinh năm: 1982; (vắng mặt)

Cư trú: Số B, hẻm C, phường L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Ái V trình bày:

Vào năm 2022, bà Trần Ái V trước đây là khách hàng của chi nhánh Ngân hàng TMCP K, tỉnh An Giang, ông Lê Thanh N là Phó giám đốc Ngân hàng TMCP K. Do đó, bà V có cầm sổ tiết kiệm tiền gửi để cho ông N mượn tiền 03 lần tổng số tiền 1.620.000.000 đồng có làm biên nhận. Vào ngày 23/7/2022, ông N ký biên nhận mượn 400.000.000 đồng; ngày 28/7/2022, ông N ký biên nhận mượn 470.000.000 đồng và ngày 10/8/2022, ông N ký giấy mượn nợ mượn 750.000.000 đồng của bà V. Tất cả biên nhận và giấy mượn nợ đều là do ông N viết và ký tên.

Từ ngày ký các biên nhận nợ, ông N có trả bà V được 02 lần với số tiền 290.000.000 đồng, còn lại 1.330.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Tại biên

bản làm việc ngày 26/6/2023 tại nơi làm việc của ông N, ông N có thống nhất còn nợ bà V số tiền 1.330.000.000 đồng.

Bà V nhiều lần liên hệ để ông N hoàn trả lại bà V số tiền đã mượn nhưng ông N cứ hẹn mà không trả, đồng thời ông N đã chặn các kênh liên lạc với bà V nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà V.

Do đó, bà V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thanh N trả cho bà Trần Ái V số tiền 1.330.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm, ba mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật.

- Bị đơn ông Lê Thanh N vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn ông Lê Thanh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Lê Thanh N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc 1.330.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 đến ngày 31/12/2025, lãi suất 10%/năm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp phát sinh giữa bà Trần Ái V và ông Lê Thanh N là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vay tài sản nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Thanh N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường L, tỉnh An Giang nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bà Trần Ái V khởi kiện yêu cầu ông Lê Thanh N có trách nhiệm trả cho bà V số tiền vay 1.330.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/5/2025 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là bản chính Biên bản về việc trả lời đơn yêu cầu của cô Trần Ái V, ngày 26/6/2023; Biên nhận viết tay ngày 23/7/2022; Biên nhận viết tay ngày 28/7/2022; Giấy mượn nợ viết tay ngày 10/8/2022 và Giấy mượn nợ viết tay không ghi ngày tháng (Bút lục số 16) tất cả đều có chữ ký của ông Lê Thanh N.

Theo “Biên bản về việc trả lời đơn yêu cầu của cô Trần Ái V, ngày 26/6/2023” có chữ ký của ông Lê Thanh N (bên vay), cùng chữ ký bà Trần Ái V (bên cho vay) có nội dung trình bày của ông N “Tôi có mượn tiền cô V nhiều lần như đơn cô có nêu, tổng số tiền mượn 1.620.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng.... Tuy chưa trả hết gốc nhưng tôi đã trả được 290 triệu tiền gốc”, hai bên thoả thuận sau ba tháng sẽ thống nhất cách trả số tiền đã vay. Đồng thời, căn cứ vào các Biên nhận viết tay thể hiện lần lượt từng số tiền ông N vay bà V như sau: Biên nhận viết tay ngày 23/7/2022 vay số tiền 400.000.000 đồng; Biên nhận viết tay ngày 28/7/2022 số tiền vay 470.000.000 đồng; Giấy mượn nợ viết tay ngày 10/8/2022 số tiền vay là 750.000.000 đồng và Giấy mượn nợ viết tay không ghi ngày tháng (Bút lục số 16) là tổng số tiền vay 03 lần 400.000.000 đồng; 470.000.000 đồng và 750.000.000 đồng; tổng 03 biên nhận là 1.620.000.000 đồng, đã trả số tiền 290.000.000 đồng, còn lại 1.330.000.000 đồng.

Do đó, có căn cứ để xác định giữa bà V và ông Lê Thanh N có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 1.620.000.000 đồng, không thoả thuận lãi suất cho vay và thời hạn vay. Ông N đã thực hiện trả cho bà V số tiền 290.000.000 đồng và còn nợ số tiền 1.330.000.000 đồng. Nhận thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà V và ông Lê Thanh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc, nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Do đó, việc ông Lê Thanh N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn và lãi theo quy định pháp luật là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên bà V khởi kiện để yêu cầu ông Lê Thanh N có trách nhiệm trả 1.330.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, vì vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà V đối với số tiền vay 1.330.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay: Hợp đồng vay tài sản giữa bà V với ông N là hợp đồng vay không kỳ hạn và không thoả thuận lãi suất. Tuy nhiên, theo thoả thuận sau 03 tháng kể từ ngày 26/6/2023 (ngày lập biên bản tại nơi làm việc của ông N) ông N có nghĩa vụ tìm cách trả cho bà V số tiền gốc đã vay là 1.330.000.000 đồng, nhưng vậy hết thời 03 tháng kể từ ngày 26/6/2023 mà ông N vẫn chưa thực hiện xong việc trả nợ là bắt đầu vi phạm nghĩa vụ. Do đó, bà V yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền ông N còn nợ 1.330.000.000 đồng kể từ ngày 26/9/2023 với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 4

Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở để chấp nhận.

Tiền lãi từ ngày 26/9/2023 đến ngày 31/12/2025 là 847 ngày:
 $1.330.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / 365 \text{ ngày} \times 847 \text{ ngày} = 308.632.877 \text{ đồng}.$

Tại phiên tòa, bà V trình bày từ tháng 11/2022 đến tháng 05/2025 ông N có thực hiện việc đóng lãi cho bà với tổng số tiền là 189.000.000 đồng, bà có tự theo dõi qua sổ viết tay và đồng ý giao nộp tài liệu này cho Hội đồng xét xử và đồng ý khấu trừ số tiền lãi ông N đã đóng vào số tiền lãi mà bà yêu cầu. Do đó, bà V chỉ yêu cầu ông N tiếp tục trả cho bà số tiền lãi là: 308.632.877 đồng - 189.000.000 đồng = 119.632.877 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, tổng cộng ông Lê Thanh N có trách nhiệm trả cho bà V số tiền là:
 $1.330.000.000 \text{ đồng} + 119.632.877 \text{ đồng} = 1.449.632.877 \text{ đồng}.$

[3] Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Thanh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham dự phiên tòa và cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Thanh N phải chịu 55.488.986 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Ái V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 147; Điều 463; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 2 Điều 5; Điều 6 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ái V đối với ông Lê Thanh N. Buộc ông Lê Thanh N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Ái V số tiền 1.449.632.877 đồng (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó số tiền vay là 1.330.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/9/2023 đến ngày 31/12/2025 là 119.632.877 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/12/2025) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Thanh N phải nộp 55.488.986 đồng (Năm mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Ái V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà V có mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông N vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 9;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Kiên